

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi mức phí, lệ phí của lĩnh vực Hộ tịch, Đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành

tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã về việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số: 05/TTr-STP ngày 13/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi mức phí, lệ phí của lĩnh vực Hộ tịch, Đăng ký biện pháp bảo đảm (*Có phụ lục kèm theo*).

Các nội dung không sửa đổi tại Điều 1 Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 08/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Sở Tư pháp, phòng, trung tâm thuộc Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

Phụ lục**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI MỨC PHÍ, LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH, ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)***A. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi mức lệ phí trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã**

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức lệ phí áp dụng	Căn cứ pháp lý
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN				
1	2.000528. 000.00.00.H10	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	- 60.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
2	2.000806. 000.00.00.H10	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	- 1.200.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
3	1.001766. 000.00.00.H10	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	- 60.000 đồng/trường hợp/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
4	2.000779. 000.00.00.H10	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	- 1.200.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

			Bộ Tài chính.	
5	1.001695. 000.00.00.H10	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký khai sinh: 60.000 đồng/trường hợp - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.200.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
6	1.001669. 000.00.00.H10	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - 60.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
7	2.000756. 000.00.00.H10	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - 60.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
8	2.000748. 000.00.00.H10	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi cư trú trong nước: 40.000 đồng/trường hợp - Xác định lại dân tộc: 40.000 đồng/trường hợp - Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài: 60.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

9	2.002189. 000.00.00.H10	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - 60.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
10	2.000554. 000.00.00.H10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - 60.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
11	2.000547. 000.00.00.H10	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	<ul style="list-style-type: none"> - 60.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
12	2.000522. 000.00.00.H10	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - 60.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
13	1.000893. 000.00.00.H10	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho	<ul style="list-style-type: none"> - 60.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của

		người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
14	2.000513. 000.00.00.H10	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	- 1.200.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
15	2.000497. 000.00.00.H10	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	- 60.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ				
1	1.001193. 000.00.00.H10	Đăng ký khai sinh	- 5.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
2	1.000894. 000.00.00.H10	Đăng ký kết hôn	- Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
3	1.001022. 000.00.00.H10	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	- 10.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

4	1.000689. 000.00.00.H10	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	<ul style="list-style-type: none"> - Khai sinh: 5.000 đồng/trường hợp - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 10.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
5	1.000656. 000.00.00.H10	Đăng ký khai tử	<ul style="list-style-type: none"> - 5.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí đối với khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
6	1.003583. 000.00.00.H10	Đăng ký khai sinh lưu động	<ul style="list-style-type: none"> - 5.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
7	1.000593. 000.00.00.H10	Đăng ký kết hôn lưu động	<ul style="list-style-type: none"> - 20.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước. - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
8	1.000419. 000.00.00.H10	Đăng ký khai tử lưu động	<ul style="list-style-type: none"> - 5.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí đối với khai tử đúng hạn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
9	1.000110. 000.00.00.H10	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	<ul style="list-style-type: none"> - 5.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

10	1.000094. 000.00.00.H10	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	<ul style="list-style-type: none"> - 20.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
11	1.000080. 000.00.00.H10	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	<ul style="list-style-type: none"> - 10.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
12	1.004827. 000.00.00.H10	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	<ul style="list-style-type: none"> - 5.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
13	1.004837. 000.00.00.H10	Đăng ký giám hộ	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
14	1.004845. 000.00.00.H10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí - Phí cấp bản sao Trích lục chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
15	1.004859. 000.00.00.H10	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - 10.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

16	1.004873. 000.00.00.H10	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	- 10.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
17	1.004884. 000.00.00.H10	Đăng ký lại khai sinh	- 5.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
18	1.004772. 000.00.00.H10	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- 5.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
19	1.004746. 000.00.00.H10	Đăng ký lại kết hôn	- 20.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
20	1.005461. 000.00.00.H10	Đăng ký lại khai tử	- 5.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	Nghị quyết số 33/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

B. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi mức phí trong lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức phí áp dụng	Căn cứ pháp lý
1	1.011441. 000.00.00.H10	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	80.000 đồng/hồ sơ	Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước
2	1.011442. 000.00.00.H10	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	60.000 đồng/hồ sơ	Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước
3	1.011443. 000.00.00.H10	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	20.000 đồng/hồ sơ	Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước
4	1.011444. 000.00.00.H10	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	30.000 đồng/hồ sơ	Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước
5	1.011445. 000.00.00.H10	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	80.000 đồng/hồ sơ	Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Ghi chú: Nội dung TTHC cụ thể được công bố tại Quyết định này được thực hiện theo nội dung đã được Bộ Tư pháp công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) và được UBND tỉnh công khai và tiếp nhận nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.binhphuoc.gov.vn/>) theo quy định.